BỘ QUỐC PHÒNG

BỘ QUỐC PHÒNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 93/2016/TT-BQP	*Hà Nội, ngày 24 tháng 6 năm 2016*

THÔNG TƯ
Quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe quân sự

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2008;

Căn cứ Luật Dạy nghề năm 2006;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 35/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Xét đề nghị của Chủ nhiệm Tổng cục Kỹ thuật,

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe quân sự.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe quân sự; tước quyền sử dụng giấy phép lái xe quân sự trong Bộ Quốc phòng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị quản lý công tác đào tạo, sát hạch, cấp, đổi, tước quyền sử dụng giấy phép lái xe quân sự; các cơ sở đào tạo lái xe quân sự trong Bộ Quốc phòng; các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc đào tạo, sát hạch, cấp, đổi, tước quyền sử dụng giấy phép lái xe quân sự.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Xe con, xe vận tải, xe chuyên dùng, rơ moóc, bán rơ moóc (sơ mi rơ moóc): Là các loại xe được phân loại theo Điều lệ công tác kỹ thuật xe - máy Quân đội nhân dân Việt Nam.

2. Trọng tải thiết kế của xe chuyên dùng: Là trọng tải thiết kế của xe tải cùng kiểu loại hoặc tương đương.

3. Cơ sở đào tạo lái xe quân sự: Là các học viện, nhà trường, cơ sở đào tạo và dạy nghề trong Bộ Quốc phòng có chức năng đào tạo lái xe quân sự.

4. Giấy phép lái xe quân sự: Là giấy phép lái xe do Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật thuộc Bộ Quốc phòng cấp cho quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng, người lao động hợp đồng đang công tác trong Bộ Quốc phòng để được phép điều khiển một hoặc một số loại xe cơ giới tham gia giao thông đường bộ theo quy định của pháp luật.

5. Giấy phép lái xe dân sự: Là giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải, Công an cấp hoặc giấy phép lái xe do nước ngoài cấp.

6. Thời gian lái xe: Là thời gian người có giấy phép lái xe đã lái loại xe ghi trong giấy phép lái xe.

7. Số ki-lô-mét (km) lái xe an toàn: Là số km người có giấy phép lái xe đã lái loại xe ghi trong giấy phép lái xe không để xảy ra tai nạn loại A, B.

Điều 4. Lưu trữ hồ sơ đào tạo, sát hạch, cấp, đổi giấy phép lái xe

1. Cục Xe - Máy lưu trữ các loại hồ sơ, như sau:

a) Hồ sơ quy định tại Điểm a, b, Khoản 1; Điểm a, b, Khoản 4, Điều 9 Thông tư này;

b) Hồ sơ quy định tại Điểm b, Khoản 1; Điểm b, Khoản 2; Điểm a, e, Khoản 3, Điều 30 Thông tư này;

c) Hồ sơ quy định tại Điểm a, b, c, d, Khoản 1, Điều 43 Thông tư này;

d) Hồ sơ quy định tại Điểm a, b, Khoản 2, Điều 44 Thông tư này, lưu: Văn bản kèm theo danh sách đề nghị đổi giấy phép lái xe của cơ quan xe - máy hoặc cơ quan quản lý xe - máy của đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng (sau đây gọi chung là cơ quan xe - máy); đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe của cá nhân;

đ) Hồ sơ quy định tại Điểm c, Khoản 2, Điều 44 Thông tư này (trừ hồ sơ gốc nơi đào tạo giấy phép lái xe dân sự);

e) Hồ sơ quy định tại Điểm a, b, Khoản 2, Điều 45 Thông tư này.

2. Cơ quan xe - máy lưu trữ các loại hồ sơ như sau:

a) Hồ sơ quy định tại Khoản 1, 3, 4, Điều 9 Thông tư này;

b) Hồ sơ quy định tại Khoản 3, Điều 30 Thông tư này;

c) Hồ sơ quy định tại Khoản 2, Điều 44 Thông tư này;

d) Hồ sơ quy định tại Khoản 2, Điều 45 Thông tư này.

3. Cơ sở đào tạo lái xe quân sự lưu trữ các loại hồ sơ như sau:

a) Hồ sơ quy định tại Điều 9 Thông tư này;

b) Hồ sơ quy định tại Điểm b, Khoản 1; Điểm b, Khoản 2; Khoản 3, Điều 30 Thông tư này.

Chương II
ĐÀO TẠO LÁI XE QUÂN SỰ

Mục 1
QUẢN LÝ ĐÀO TẠO LÁI XE QUÂN SỰ

Điều 5. Trách nhiệm của Cục Xe - Máy

Giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đào tạo lái xe trong Bộ Quốc phòng, có nhiệm vụ:

1. Tham mưu, đề xuất với cấp có thẩm quyền về quy hoạch, tổ chức hệ thống các cơ sở đào tạo lái xe quân sự.

2. Hằng năm, tổng hợp đề xuất chỉ tiêu đào tạo lái xe của các cơ sở đào tạo lái xe quân sự, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

3. Ban hành chương trình chi tiết, tài liệu và hệ thống văn bản, sổ sách nghiệp vụ quản lý đào tạo lái xe quân sự.

4. Quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn và tập huấn nghiệp vụ chuyên môn đối với các cơ sở đào tạo lái xe quân sự.

5. Định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra, giám sát các cơ sở đào tạo lái xe về tổ chức thực hiện chương trình đào tạo, các chế độ nghiệp vụ quản lý đào tạo và sát hạch lái xe quân sự.

6. Cấp Giấy phép dạy lái xe cho giáo viên, Giấy phép xe tập lái, biển Tập lái cho xe tập lái đủ tiêu chuẩn theo quy định.

7. Tổ chức sát hạch, cấp, đổi giấy phép lái xe quân sự.

Điều 6. Trách nhiệm của cơ quan xe - máy các đơn vị có cơ sở đào tạo lái xe quân sự

1. Chịu sự chỉ đạo về nghiệp vụ đào tạo lái xe quân sự của Cục Xe - Máy.

2. Quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra cơ sở đào tạo lái xe cùng cấp về việc thực hiện nội dung, chương trình, quy chế đào tạo; nghiệp vụ quản lý xe - máy và thực hiện các chế độ theo quy định.

3. Tham gia các đợt kiểm tra, giám sát cơ sở đào tạo lái xe theo kế hoạch.

4. Đề nghị cấp Giấy phép xe tập lái, biển Tập lái, Giấy phép dạy lái xe cho cơ sở đào tạo lái xe khi có đủ điều kiện theo quy định.

Điều 7. Tổ chức, hình thức đào tạo

1. Đào tạo lái xe hạng A1, A2: Do cơ quan xe - máy các đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng tổ chức tại các đơn vị hoặc tại các cơ sở đào tạo lái xe thuộc cấp mình quản lý.

2. Đào tạo lái xe các hạng A3, B2, C, D, E, F: Được tổ chức đào tạo tập trung tại các cơ sở đào tạo lái xe quân sự theo quy định của pháp luật.

3. Đào tạo lái xe hạng D, E, F: Tổ chức đào tạo theo hình thức nâng hạng.

Điều 8. Điều kiện đối với người học lái xe quân sự

1. Là quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng, lao động hợp đồng đang công tác trong Bộ Quốc phòng (đối với lao động hợp đồng chỉ đào tạo nâng hạng giấy phép lái xe ô tô) có đủ các điều kiện, tiêu chuẩn về tuổi đời, thời gian công tác, sức khỏe, trình độ văn hóa, phẩm chất chính trị theo quy định của Bộ Quốc phòng.

2. Đối với người học nâng hạng giấy phép lái xe phải có thời gian lái xe và số km lái xe an toàn như sau:

a) Từ hạng B2 lên hạng C, từ hạng C lên hạng D, từ hạng D lên hạng E; hạng B2, D, E lên hạng F tương ứng: Có thời gian lái xe 03 năm trở lên và 50.000 km lái xe an toàn trở lên;

b) Từ hạng C lên hạng Fc hoặc hạng Fx: Có thời gian lái xe 02 năm trở lên và 30.000 km lái xe an toàn trở lên (trừ các trường hợp đào tạo chuyển tiếp từ hạng C lên hạng Fc hoặc hạng Fx theo chỉ tiêu của Bộ Tổng Tham mưu);

c) Từ hạng B2 lên hạng D, từ hạng C lên hạng E: Có thời gian lái xe 05 năm trở lên và 100.000 km lái xe an toàn trở lên.

3. Riêng đối với người học nâng hạng giấy phép lái xe lên hạng D, hạng E: Ngoài các quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này, phải có bằng tốt nghiệp trung học cơ sở trở lên.

Điều 9. Hồ sơ đào tạo lái xe

1. Hạng A1, A2, gồm:

a) Kế hoạch huấn luyện lái xe mô tô quân sự (kèm theo danh sách học viên) của cơ quan, đơn vị;

b) Đơn đề nghị học và sát hạch, cấp giấy phép lái xe của cá nhân có xác nhận của thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý từ cấp trung đoàn hoặc tương đương trở lên (theo Mẫu số 01);

c) Bản sao chứng minh thư quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng, phiếu quân nhân hoặc bản sao một trong các loại giấy tờ như sau: Quyết định nhập ngũ, tuyển dụng, quyết định thăng, phong quân hàm, nâng lương gần nhất còn hiệu lực;

d) Giấy chứng nhận đủ điều kiện sức khỏe theo quy định do cấp có thẩm quyền cấp, xác nhận (theo Mẫu số 02).

2. Hạng A3, B2, C, gồm:

a) Kế hoạch đào tạo (kèm theo danh sách học viên) của cơ sở đào tạo;

b) Thông báo chiêu sinh của Cục Quân lực;

c) Giấy giới thiệu, kèm theo danh sách trích ngang học viên của cơ quan, đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng;

d) Hồ sơ quân nhân được đào tạo theo chỉ tiêu gồm:

- Đơn đề nghị học và sát hạch, cấp giấy phép lái xe có xác nhận của thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý từ cấp trung đoàn và tương tương trở lên (theo Mẫu số 01);

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện sức khỏe theo quy định do cấp có thẩm quyền cấp, xác nhận (theo Mẫu số 02);

- Phiếu nhận xét quân nhân của thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý từ cấp trung đoàn hoặc tương đương trở lên;

- Bản chính hoặc bản sao Lệnh gọi nhập ngũ, lý lịch nghĩa vụ quân sự, phiếu quân nhân;

- Bản sao bằng tốt nghiệp trung học cơ sở hoặc trung học phổ thông (kèm bản chính để đối chiếu).

3. Đào tạo nâng hạng giấy phép lái xe: Ngoài hồ sơ quy định tại Khoản 2 Điều này phải bổ sung các giấy tờ như sau:

a) Bản khai thời gian lái xe và số km lái xe an toàn quy định cho từng hạng xe có xác nhận của thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý từ cấp trung đoàn hoặc tương đương trở lên (theo Mẫu số 03);

b) Bản sao giấy phép lái xe quân sự hiện đang sử dụng (xuất trình bản chính khi dự sát hạch).

4. Hồ sơ gửi đào tạo lái xe, gồm:

a) Văn bản đề nghị đào tạo lái xe của thủ trưởng cơ quan, đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng trở lên;

b) Đơn đề nghị học và sát hạch, cấp giấy phép lái xe của cá nhân có xác nhận của thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý từ cấp trung đoàn và tương tương trở lên (theo Mẫu số 01);

c) Bản sao chứng minh thư quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng, hợp đồng lao động, phiếu quân nhân hoặc bản sao một trong các loại giấy tờ như sau: Quyết định nhập ngũ, tuyển dụng, quyết định thăng, phong quân hàm, nâng lương gần nhất còn hiệu lực;

d) Giấy chứng nhận đủ điều kiện sức khỏe theo quy định do cấp có thẩm quyền cấp, xác nhận (theo Mẫu số 02);

đ) Gửi đào tạo nâng hạng giấy phép lái xe: Ngoài các quy định trên, phải bổ sung đủ các giấy tờ quy định tại Khoản 3 Điều này.

Mục 2
CƠ SỞ ĐÀO TẠO LÁI XE QUÂN SỰ

Điều 10. Nhiệm vụ

1. Tổ chức đào tạo lái xe các hạng theo đúng nội dung chương trình khung quy định tại các Điều 18, 19, 20 Thông tư này.

2. Tổ chức thi và cấp chứng chỉ nghề, giấy chứng nhận tốt nghiệp cho học viên (trừ đối tượng đào tạo lái xe hạng A1, A2). Quản lý, lưu trữ hồ sơ đào tạo theo quy định.

3. Thường xuyên hoàn thiện và nâng cấp cơ sở vật chất, trang bị, phương tiện kỹ thuật; bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ kỹ thuật và trình độ sư phạm cho đội ngũ giáo viên để nâng cao chất lượng đào tạo.

4. Thực hiện chế độ sinh hoạt, quản lý, rèn luyện học viên theo Điều lệnh quản lý bộ đội và Điều lệ công tác nhà trường Quân đội nhân dân Việt Nam.

5. Thực hiện chế độ sơ kết, tổng kết, báo cáo nghiệp vụ, đề nghị tổ chức sát hạch, cấp giấy phép lái xe theo hướng dẫn của cơ quan nghiệp vụ cấp trên.

Điều 11. Tiêu chuẩn về cơ sở vật chất

1. Tiêu chuẩn chung

Có đủ phòng học lý thuyết, phòng học chuyên dùng, xưởng huấn luyện thực hành bảo dưỡng - sửa chữa ô tô, sân bãi tập, xe tập lái và các trang thiết bị kỹ thuật theo quy định, phù hợp với từng đối tượng đào tạo.

2. Tiêu chuẩn cụ thể

a) Hệ thống phòng học

- Phòng học lý thuyết: Diện tích tối thiểu 1,50 m^2/01 học viên, đầy đủ bàn ghế, trang thiết bị học tập, ánh sáng, vệ sinh môi trường theo tiêu chuẩn quy định;

- Phòng học chuyên dùng: Bảo đảm đủ mô hình học cụ, tranh vẽ, thiết bị mô phỏng, bảng biểu và các trang thiết bị dùng cho dạy học theo quy định, phù hợp với chương trình đào tạo.

b) Xưởng thực hành bảo dưỡng - sửa chữa ô tô

- Có đủ diện tích cho học viên học tập, diện tích tối thiểu phải đảm bảo 35 m^2/01 xe huấn luyện; bảo đảm đầy đủ ánh sáng, thông gió, vệ sinh môi trường, an toàn lao động theo tiêu chuẩn quy định;

- Có đầy đủ các chi tiết, cụm tổng thành, xe huấn luyện, dụng cụ đồ nghề cho học viên thực tập; đảm bảo 08 đến 10 học viên/01 xe huấn luyện, mỗi xe có 01 bộ dụng cụ, đồ nghề;

- Có đủ bàn, ghế, bàn tháo lắp (bàn nguội), bảng dùng cho giảng dạy, học tập.

c) Sân bãi tập lái

- Có đủ sân bãi phục vụ cho học tập và sát hạch lái xe;

- Bãi tập lái hình có diện tích tối thiểu để bố trí các tuyến hình quy định cho từng hạng xe đào tạo;

- Bãi tổng hợp có đủ chiều dài, diện tích cần thiết để bố trí các tình huống liên hoàn theo tiêu chuẩn quy định.

d) Xe tập lái

- Thuộc nhóm xe huấn luyện, biên chế của cơ sở đào tạo, tương ứng với từng hạng xe được phép đào tạo, đã đăng ký, gắn biển số quân sự;

- Có giấy phép lưu hành xe, tem kiểm định, thiết bị hỗ trợ phanh chính cho giáo viên sử dụng theo quy định;

- Xe vận tải sử dụng để dạy lái xe: Thùng xe phải có mui che mưa, nắng và có ghế ngồi chắc chắn cho học viên;

- Có Giấy phép xe tập lái, biển tập lái do Cục Xe - Máy cấp theo quy định.

đ) Đường tập lái là đường giao thông công cộng, có đủ hệ thống biển báo hiệu, các tín hiệu giao thông cơ bản theo quy định của Luật Giao thông đường bộ, được đăng ký và ghi trên Giấy phép xe tập lái.

e) Giáo trình, tài liệu, sổ sách nghiệp vụ

- Có đủ giáo trình, tài liệu giảng dạy các môn học theo chương trình khung đào tạo đối với từng hạng xe; tài liệu hướng dẫn ôn luyện, kiểm tra, thi, sát hạch lái xe và các tài liệu tham khảo phục vụ giảng dạy, học tập;

- Có đủ hệ thống sổ sách, mẫu biểu phục vụ quản lý giảng dạy, học tập của giáo viên, học viên theo quy định.

Điều 12. Tiêu chuẩn giáo viên

1. Tiêu chuẩn chung

Có phẩm chất đạo đức và sức khỏe tốt, tốt nghiệp trung học phổ thông trở lên; đã qua đào tạo, bồi dưỡng kiến thức sư phạm và được cấp chứng chỉ sư phạm theo quy định (trừ trường hợp đã tốt nghiệp các trường cao đẳng, đại học sư phạm; cao đẳng, đại học sư phạm kỹ thuật).

2. Tiêu chuẩn cụ thể

a) Giáo viên dạy lý thuyết, thực hành bảo dưỡng - sửa chữa ô tô, ngoài tiêu chuẩn chung phải có các tiêu chuẩn như sau:

- Bằng tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp trở lên, chuyên ngành học tương ứng với chuyên ngành được phân công giảng dạy;

- Giáo viên dạy pháp luật giao thông đường bộ phải có giấy phép lái xe quân sự, còn hạn sử dụng.

b) Giáo viên dạy lý thuyết kỹ thuật lái xe, thực hành lái xe, ngoài tiêu chuẩn chung phải có các tiêu chuẩn, như sau:

- Có giấy phép lái xe quân sự hợp lệ, tương đương hoặc cao hơn hạng xe được phép đào tạo;

- Có thời gian lái xe từ 03 năm trở lên;

- Đã qua tập huấn về nghiệp vụ dạy thực hành lái xe và được cấp Giấy phép dạy lái xe.

Điều 13. Cấp giấy phép xe tập lái

1. Hồ sơ, gồm:

a) Văn bản đề nghị cấp giấy phép xe tập lái của cấp có thẩm quyền;

b) Hồ sơ thiết kế, hoán cải thiết bị hỗ trợ phanh chính cho giáo viên sử dụng, bản sao giấy chứng nhận đăng ký xe, quyết định phân nhóm xe huấn luyện (trường hợp cấp giấy phép lần đầu), giấy phép lưu hành xe.

2. Trình tự thực hiện

a) Khi xe tập lái có đủ tiêu chuẩn quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 11 Thông tư này, cơ sở đào tạo lái xe quân sự có trách nhiệm lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Khoản 1 Điều này gửi trực tiếp hoặc qua đường quân bưu đến cơ quan xe - máy của đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng;

b) Kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ theo quy định, trong thời hạn 05 ngày làm việc, cơ quan xe - máy đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng có trách nhiệm kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ, lập danh sách xe ô tô tập lái, gửi văn bản đề nghị cấp giấy phép xe tập lái về Cục Xe - Máy; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan xe - máy đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng thông báo bằng văn bản cho cơ sở đào tạo biết để hoàn thiện hồ sơ;

c) Kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ theo quy định, trong thời hạn 10 ngày làm việc, Cục Xe - Máy có trách nhiệm thẩm định, cấp giấy phép xe tập lái (theo Mẫu số 05); trường hợp không đủ điều kiện cấp giấy phép xe tập lái, Cục Xe - Máy thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Việc cấp đổi giấy phép xe tập lái trong trường hợp hết hạn sử dụng hoặc sai thông tin trên giấy phép xe tập lái hoặc bị nhàu nát, cơ sở đào tạo gửi văn bản đề nghị kèm theo bản sao giấy phép xe tập lái gửi đến cơ quan xe - máy đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng để tổng hợp, báo cáo, giải quyết theo quy định tại Điểm b, c Khoản 2 Điều này.

4. Thời hạn sử dụng giấy phép xe tập lái là 02 năm.

Điều 14. Cấp giấy phép dạy lái xe

1. Hồ sơ, gồm:

a) Bản sao các giấy tờ của cá nhân: Quyết định công nhận giáo viên của thủ trưởng cơ sở đào tạo, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông trở lên, chứng chỉ sư phạm dạy nghề (trường hợp cấp lần đầu); giấy phép lái xe quân sự hợp lệ;

b) Mỗi cá nhân 02 ảnh màu cỡ 2 x 3 cm chụp trên nền màu xanh: Quân

nhân mặc quân phục thường dùng theo quy định; công nhân, viên chức quốc phòng và lao động hợp đồng mặc áo có cổ, đeo biển tên theo quy định, không đội mũ.

2. Trình tự thực hiện

a) Cá nhân có đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 12 Thông tư này, lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Khoản 1 Điều này gửi đến cơ sở đào tạo;

b) Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, trong thời hạn 05 ngày làm việc, cơ sở đào tạo có trách nhiệm lập danh sách và gửi văn bản đề nghị kèm theo hồ sơ đến cơ quan xe - máy đơn vị mình; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ sở đào tạo có trách nhiệm hướng dẫn cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định;

c) Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, trong thời hạn 05 ngày làm việc, cơ quan xe - máy trực tiếp quản lý cơ sở đào tạo có trách nhiệm kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ và gửi văn bản về Cục Xe - Máy theo quy định;

d) Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, trong thời hạn 10 ngày làm việc, Cục Xe - Máy có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, cấp giấy phép dạy lái xe (theo Mẫu số 06); trường hợp không đủ điều kiện cấp giấy phép dạy lái xe, Cục Xe - Máy thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Việc cấp đổi giấy phép dạy lái xe trong trường hợp hết hạn sử dụng hoặc sai thông tin trên giấy phép dạy lái xe hoặc bị nhàu nát, cá nhân làm đơn đề nghị cấp đổi giấy phép dạy lái xe có xác nhận của thủ trưởng đơn vị, kèm theo bản chính hoặc bản sao giấy phép dạy lái xe và 02 ảnh màu cỡ 2 x 3 cm theo quy định tại Điểm b, Khoản 1 Điều này gửi đến cơ sở đào tạo. Trình tự thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều này.

4. Giấy phép dạy lái xe có giá trị theo thời hạn sử dụng 01 năm.

Điều 15. Cấp biển tập lái

1. Điều kiện, hồ sơ cấp biển tập lái

a) Điều kiện: Xe tập lái phải đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Điểm d, Khoản 2, Điều 11 Thông tư này.

b) Hồ sơ, gồm: Văn bản đề nghị cấp biển tập lái kèm theo danh sách xe đề nghị cấp biển tập lái; bản sao giấy phép xe tập lái do Cục Xe - Máy cấp còn hiệu lực.

2. Trình tự thực hiện

a) Cơ sở đào tạo lập 01 bộ hồ sơ quy định tại Điểm b, Khoản 1 Điều này, gửi đến cơ quan xe - máy;

b) Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, trong thời hạn 05 ngày làm việc, cơ quan xe - máy trực tiếp quản lý cơ sở đào tạo có trách nhiệm kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ và có văn bản gửi Cục Xe - Máy;

c) Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, trong thời hạn 10 ngày làm việc, Cục Xe - Máy có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, cấp biển Tập lái theo quy định; trường hợp không đủ điều kiện cấp biển Tập lái, Cục Xe - Máy thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Mục 3
MỤC TIÊU, YÊU CẦU VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO LÁI XE QUÂN SỰ

Điều 16. Mục tiêu đào tạo

Đào tạo những quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng, người lao động hợp đồng có đủ các điều kiện, tiêu chuẩn về tuổi đời, thời gian công tác, sức khỏe, trình độ văn hóa, phẩm chất chính trị theo quy định của Bộ Quốc phòng trở thành người lái xe quân sự có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có trình độ chuyên môn đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quân sự.

Điều 17. Yêu cầu đào tạo

1. Về chính trị đạo đức

a) Phẩm chất chính trị tốt, trung thành tuyệt đối với Đảng, với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Chấp hành nghiêm pháp luật của Nhà nước, kỷ luật của Quân đội;

b) Có lối sống trong sạch, lành mạnh, giản dị, trung thực, có tinh thần đoàn kết tốt, yêu ngành, yêu nghề. Nắm vững và thực hiện tốt chức trách, nhiệm vụ của người lái xe trong Quân đội.

2. Về quân sự, giáo dục thể chất

a) Thực hiện tốt Điều lệnh quản lý bộ đội, Điều lệnh đội ngũ, có tác phong chính quy;

b) Có sức khỏe tốt đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

3. Về chuyên môn nghiệp vụ kỹ thuật

a) Nắm được tác dụng, cấu tạo và nguyên lý làm việc của các cụm, hệ thống chính trên xe mô tô, ô tô thông dụng và một số quy định, chế độ trong Điều lệ Công tác kỹ thuật xe - máy Quân đội nhân dân Việt Nam;

b) Nắm vững nội quy, quy trình và yêu cầu kỹ thuật bảo dưỡng thường xuyên, nắm được một số nội dung bảo dưỡng định kỳ, bảo dưỡng xe mới, niêm cất xe quân sự;

c) Nắm vững và chấp hành nghiêm quy định của pháp luật về giao thông đường bộ;

d) Biết xử lý một số tình huống trong hành quân, trú quân.

4. Về kỹ năng thực hành

a) Điều khiển được các hạng xe quy định trong giấy phép lái xe trên mọi điều kiện giao thông khác nhau, bảo đảm an toàn và hiệu quả; thực hiện công việc bảo vệ xe - máy và lái xe an toàn trong các tình huống chiến đấu;

b) Thành thạo bảo dưỡng thường xuyên, sửa chữa những hư hỏng thông thường của các loại xe thông dụng. Làm được một số nội dung bảo dưỡng định kỳ và các loại bảo dưỡng khác theo quy định.

Điều 18. Chương trình khung đào tạo lái xe mô tô các hạng A1, A2, A3

1. Thời gian đào tạo

a) Hạng A1: 48 giờ;

b) Hạng A2: 102 giờ;

c) Hạng A3: 198 giờ.

2. Nội dung và phân bổ thời gian đào tạo

TT	Nộ dung	Đơn vị tính	Hạng GPLX		
			A1	A2	A3
1	Giáo dục chính trị	Giờ	-	-	12
2	Quân sự, giáo dục thể chất	Giờ	-	-	06
3	Cấu tạo mô tô	Giờ	-	12	18
4	Bảo dưỡng, sửa chữa	Giờ	-	12	18
5	Sử dụng và nghiệp vụ xe	Giờ	-	-	06
6	Pháp luật giao thông đường bộ	Giờ	24	24	24
7	Kỹ thuật lái xe	Giờ	12	42	90
-	Số giờ học thực hành lái xe/01 học viên	Giờ	02	06	18
-	Số km thực hành lái xe/01 học viên	Km	-	-	270
-	Số học viên/01 xe tập lái	HV	06	07	05
8	Ôn và thi tốt nghiệp nghề	Giờ	-	-	12
9	Ôn và thi cấp giấy phép lái xe	Giờ/khóa	12	12	12
	Tổng cộng	**Giờ**	**48**	**102**	**198**
10	Số ngày thực học/01 khóa học	Ngày	-	17	33
11	Thời gian cho các hoạt động khác	Ngày	-	02	14
12	Thời gian toàn khóa học	Ngày	-	19	47

Điều 19. Chương trình khung đào tạo lái xe ô tô hạng B2, C

1. Thời gian đào tạo

a) Hạng B2: 424 giờ;

b) Hạng C: 615 giờ.

2. Nội dung và phân bổ thời gian đào tạo

TT	Nội dung	ĐVT	Hạng B2			Hạng C		
			+	LT	TH	+	LT	TH
1	Giáo dục chính trị	Giờ	30	30	-	53	53	-
2	Quân sự, giáo dục thể chất	Giờ	24	04	20	24	04	20
3	Cấu tạo ô tô	Giờ	36	30	06	72	54	18
4	Bảo dưỡng sửa chữa	Giờ	42	10	32	78	18	60
5	Sử dụng xe và nghiệp vụ vận tải	Giờ	12	12	-	24	22	02
6	Pháp luật giao thông đường bộ	Giờ	88	70	18	88	70	18
7	Kỹ thuật lái xe	Giờ	168	12	156	240	12	228
-	Số giờ thực hành lái xe/01 học viên	Giờ	42	04	38	80	04	76
-	Số học viên/01 xe tập lái	HV	08			06		
-	Số học viên/01 bán đội	HV	04			03		
-	Số km thực hành lái xe/01 học viên	Km	800		800	1200		1200
	Cộng	**Giờ**	**400**	**168**	**232**	**579**	**233**	**346**
8	Ôn và thi tốt nghiệp nghề	Giờ	12			18		
9	Ôn và sát hạch cấp giấy phép lái xe	Giờ	12			18		
	Tổng cộng	**Giờ**	**424**			**615**		
10	Số ngày thực học/01 khóa	Ngày	71			103		
11	Thời gian cho các hoạt động khác	Ngày	30			50		
12	Thời gian toàn khóa học	Ngày	101			153		

Điều 20. Chương trình khung đào tạo nâng hạng

1. Thời gian đào tạo

a) Nâng hạng B2 lên C, C lên D, D lên E: 167 giờ;

b) Nâng hạng B2 lên D, C lên E: 246 giờ;

c) Nâng từ các hạng B2, C, D, E lên hạng F tương ứng: 202 giờ;

d) Nâng hạng C lên Fx: 251 giờ.

2. Nội dung và phân bổ thời gian đào tạo

TT	Nội dung	ĐVT	Nâng hạng			
			B2 lên C, C lên D, D lên E	B2 lên D, C lên E	Nâng hạng F	Nâng hạng Fx
1	Giáo dục chính trị	Giờ	12	12	12	12
2	Pháp luật giao thông đường bộ	Giờ	36	36	36	36

TT	Nội dung	ĐVT	Nâng hạng			
			B2 lên C, C lên D, D lên E	B2 lên D, C lên E	Nâng hạng F	Nâng hạng Fx
3	Cấu tạo xe	Giờ	09	12	18	30
4	Sử dụng xe và nghiệp vụ vận tải	Giờ	09	12	6	12
5	Bảo dưỡng sửa chữa	Giờ	12	18	24	30
7	Kỹ thuật lái xe	Giờ	65	120	70	95
-	Số giờ thực hành lái xe/01 học viên	Giờ	13	24	14	19
-	Số km thực hành lái xe/01 học viên	Km	260	480	280	-
-	Số học viên/01 xe tập lái	HV	10	10	10	10
-	Số học viên/01 bán đội	HV	05	05	05	05
8	Ôn và thi tốt nghiệp nghề	Giờ	12	18	18	18
9	Ôn và thi cấp giấy phép lái xe	Giờ	12	18	18	18
	Tổng cộng	**Giờ**	**167**	**246**	**202**	**251**
10	Số ngày thực học/01 khóa học	Ngày	28	41	34	42
11	Các hoạt động khác	Ngày	14	18	16	20
12	Thời gian toàn khóa học	Ngày	42	59	50	62

Chương III
SÁT HẠCH, CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE QUÂN SỰ
Mục 1
GIẤY PHÉP LÁI XE QUÂN SỰ

Điều 21. Phân hạng giấy phép lái xe

1. Hạng A1: Cấp cho người điều khiển xe mô tô 2 bánh có dung tích xi lanh từ 50 cm^3 đến dưới 175 cm^3.

2. Hạng A2: Cấp cho người điều khiển xe mô tô 2 bánh có dung tích xi lanh từ 175 cm^3 trở lên và các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng A1.

3. Hạng A3: Cấp cho người điều khiển xe mô tô 3 bánh, các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng A1 và các loại xe có kết cấu tương tự.

4. Hạng B2: Cấp cho người điều khiển các loại xe ô tô chở người đến 9 chỗ ngồi; ô tô tải, kể cả ô tô chuyên dùng, máy kéo có trọng tải dưới 3500 kg;

5. Hạng C: Cấp cho người điều khiển các loại ô tô tải, kể cả ô tô chuyên dùng, máy kéo có trọng tải từ 3500 kg trở lên và các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng B2.

6. Hạng D: Cấp cho người điều khiển xe ô tô chở người từ 10 đến 30 chỗ ngồi; các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng B2, C.

7. Hạng E: Cấp cho người điều khiển xe ô tô chở người trên 30 chỗ ngồi và các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng B2, C, D.

8. Hạng F

a) Giấy phép lái xe hạng F_{B2}, F_D, F_E: Cấp cho người đã có giấy phép lái xe tương ứng hạng B2, D, E để điều khiển các loại xe quy định cho hạng giấy phép lái xe này khi kéo rơ moóc hoặc xe ô tô chở người nối toa;

b) Hạng Fc: Cấp cho người đã có giấy phép lái xe hạng C để lái các loại xe quy định cho hạng C khi kéo rơ moóc hoặc vũ khí, khí tài quân sự dạng rơ moóc; đầu kéo kéo sơ mi rơ moóc hoặc vũ khí, khí tài quân sự dạng sơ mi rơ moóc;

c) Hạng Fx: Cấp cho người đã có giấy phép lái xe hạng C để điều khiển xe xích kéo vũ khí, khí tài quân sự.

9. Người có giấy phép lái xe hạng B2, C, D, E khi điều khiển các loại xe tương ứng được kéo theo một rơ moóc hoặc vũ khí, khí tài quân sự dạng rơ moóc có trọng tải không quá 750 kg.

Điều 22. Mẫu và thời hạn sử dụng giấy phép lái xe

1. Mẫu giấy phép lái xe

a) Giấy phép lái xe thực hiện theo Mẫu số 08 và Mẫu số 09;

b) Cục trưởng Cục Xe - Máy có trách nhiệm ban hành, hướng dẫn và quản lý việc sử dụng giấy phép lái xe trong Bộ Quốc phòng.

2. Thời hạn sử dụng giấy phép lái xe cấp mới hoặc cấp đổi theo niên hạn

a) Giấy phép lái xe hạng A1, A2, A3 có thời hạn sử dụng không kỳ hạn;

b) Giấy phép lái xe các hạng B2, C, D, E, F_{B2}, F_C, F_D, F_E, F_x có thời hạn sử dụng 05 năm kể từ ngày cấp.

3. Trường hợp cấp đổi do lý do khác: Thời hạn sử dụng theo thời hạn ghi trên giấy phép lái xe.

Điều 23. Sử dụng, quản lý giấy phép lái xe

1. Người được giao nhiệm vụ điều khiển xe ô tô quân sự (biển số đăng ký do Cục Xe - Máy cấp) phải có giấy phép lái xe quân sự hợp lệ.

2. Người có giấy phép lái xe quân sự được phép điều khiển những loại xe quy định cho từng hạng đã ghi trên giấy phép lái xe.

3. Giấy phép lái xe phải được mang theo người khi lái xe. Người có giấy phép lái xe có trách nhiệm bảo quản, giữ gìn và sử dụng đúng mục đích. Khi mất giấy phép lái xe hoặc phát hiện có sai lệch thông tin ghi trên giấy phép lái xe phải báo cáo kịp thời với các cơ quan chức năng để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Mục 2
SÁT HẠCH, CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE QUÂN SỰ

Điều 24. Hội đồng sát hạch cấp giấy phép lái xe

1. Cục trưởng Cục Xe - Máy quyết định thành lập Hội đồng sát hạch cấp giấy phép lái xe quân sự (sau đây gọi tắt là Hội đồng), Hội đồng làm việc theo chế độ kiêm nhiệm. Thành phần Hội đồng, gồm: Chủ tịch Hội đồng, Phó Chủ tịch Hội đồng và các ủy viên.

2. Hội đồng làm việc phải có ít nhất hai phần ba số thành viên tham dự, quyết định theo đa số, trường hợp các thành viên trong Hội đồng có ý kiến ngang nhau thì thực hiện theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng. Chủ tịch Hội đồng chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Hội đồng và kết quả của kỳ sát hạch.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn

a) Xét duyệt và công nhận danh sách thí sinh đủ điều kiện dự sát hạch; xét miễn từng nội dung sát hạch đối với các thí sinh đủ điều kiện theo quy định;

b) Quyết định thành phần thư ký, giám khảo, phục vụ và đảm bảo cho kỳ sát hạch;

c) Quyết định kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch sát hạch bảo đảm chất lượng, hiệu quả; chỉ đạo, kiểm tra và yêu cầu hoàn thiện các điều kiện tổ chức kỳ sát hạch;

d) Tổ chức khai mạc;

đ) Xem xét, đề nghị hình thức kỷ luật đối với người vi phạm các quy định và kỷ luật trong sát hạch;

e) Giải quyết các đề nghị, khiếu nại, tố cáo trong kỳ sát hạch (nếu có);

g) Xem xét, đánh giá kết quả sát hạch, báo cáo và đề nghị Cục trưởng Cục Xe - Máy phê duyệt danh sách cấp giấy phép lái xe.

Điều 25. Thư ký Hội đồng

1. Thư ký Hội đồng do Chủ tịch Hội đồng quyết định, số lượng từ 01 đến 03 người phù hợp với từng kỳ sát hạch.

2. Nhiệm vụ

a) Chuẩn bị báo cáo, hồ sơ, danh sách thí sinh dự sát hạch, tài liệu, văn bản, mẫu biểu liên quan phục vụ các phiên họp của Hội đồng và kỳ sát hạch;

b) Chủ trì, phối hợp với giám khảo được phân công sát hạch ở từng nội dung kiểm tra các điều kiện bảo đảm cho sát hạch;

c) Theo dõi việc chấp hành kế hoạch, quy định, kỷ luật và các mặt đảm bảo cho kỳ sát hạch;

d) Tổng hợp, báo cáo Hội đồng về diễn biến và kết quả kỳ sát hạch, hoàn thiện các biên bản, báo cáo sát hạch gửi về Cục Xe - Máy xem xét cấp giấy phép lái xe theo quy định.

Điều 26. Giám khảo

1. Số lượng và thành phần giám khảo do Chủ tịch Hội đồng quyết định, bảo đảm đủ các điều kiện, phù hợp với từng kỳ sát hạch.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn

a) Kiểm tra các điều kiện bảo đảm cho sát hạch theo nhiệm vụ được phân công;

b) Chấp hành nghiêm các quy định trong sát hạch và kỷ luật quân đội;

c) Thực hiện nhiệm vụ sát hạch theo kế hoạch, bảo đảm khách quan, trung thực, chính xác; đánh giá kết quả của thí sinh và chịu trách nhiệm trước Hội đồng về kết quả sát hạch;

d) Đề nghị Hội đồng xem xét, xử lý kỷ luật theo thẩm quyền đối với thí sinh vi phạm quy định trong sát hạch.

Điều 27. Công tác phục vụ và bảo đảm cho kỳ sát hạch

1. Cơ sở đào tạo lái xe quân sự chịu trách nhiệm tổ chức phục vụ và bảo đảm đầy đủ các mặt cho kỳ sát hạch theo kế hoạch.

2. Yêu cầu đối với công tác phục vụ

a) Đáp ứng đầy đủ, kịp thời các mặt bảo đảm đối với từng nội dung sát hạch theo yêu cầu của Hội đồng;

b) Tổ chức bảo vệ, đảm bảo an toàn cho từng địa điểm sát hạch.

Điều 28. Điều kiện dự sát hạch cấp giấy phép lái xe

1. Hạng A1, A2

a) Là quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng, lao động hợp đồng đang công tác trong Bộ Quốc phòng;

b) Có đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định;

c) Hoàn thành nội dung huấn luyện theo chương trình quy định, được cơ quan xe - máy, đơn vị huấn luyện hoặc cơ sở đào tạo lái xe quân sự đề nghị sát hạch cấp giấy phép lái xe.

2. Các hạng khác

a) Là quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng đào tạo theo chỉ tiêu của Bộ Tổng Tham mưu hoặc quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng, lao động hợp đồng do các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng gửi đào tạo;

b) Hoàn thành chương trình đào tạo lái xe quân sự theo quy định cho từng hạng đào tạo, được cấp chứng chỉ nghề hoặc chứng nhận tốt nghiệp khóa đào tạo;

c) Có đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, được cơ sở đào tạo lái xe quân sự đề nghị sát hạch cấp giấy phép lái xe.

Điều 29. Sát hạch cấp lại giấy phép lái xe

1. Các trường hợp phải sát hạch lý thuyết

a) Giấy phép lái xe quá hạn sử dụng từ 03 tháng đến dưới 12 tháng;

b) Giấy phép lái xe còn hạn sử dụng, có đủ hồ sơ theo quy định, không bị các cơ quan có thẩm quyền thu giữ, bị mất từ 03 tháng đến dưới 12 tháng.

2. Các trường hợp phải sát hạch cả lý thuyết và thực hành lái xe

a) Giấy phép lái xe quá hạn sử dụng từ 12 tháng đến dưới 36 tháng;

b) Giấy phép lái xe còn hạn sử dụng, có đủ hồ sơ theo quy định, không bị các cơ quan có thẩm quyền thu giữ, bị mất từ 12 tháng trở lên.

3. Các trường hợp phải huấn luyện bổ sung trước khi sát hạch cấp lại giấy phép lái xe

a) Giấy phép lái xe quá hạn sử dụng từ 36 tháng trở lên; giấy phép lái xe bị mất từ 12 tháng trở lên và quá hạn sử dụng, có đủ hồ sơ, không bị các cơ quan có thẩm quyền thu giữ;

b) Người bị tước quyền sử dụng giấy phép lái xe không thời hạn, sau 12 tháng trở lên (tính từ ngày cơ quan có thẩm quyền ra quyết định tước quyền sử dụng giấy phép lái xe) nếu đơn vị có nhu cầu sử dụng làm nhiệm vụ lái xe.

Điều 30. Hồ sơ sát hạch lái xe

1. Sát hạch, cấp giấy phép lái xe lần đầu

Số lượng 01 bộ hồ sơ thực hiện theo quy định tại Khoản 1, 2, 4, Điều 9 Thông tư này và bổ sung các giấy tờ như sau:

a) Chứng chỉ nghề hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp khóa đào tạo đối với đào tạo lái xe hạng A3, B2, C;

b) Văn bản báo cáo kết quả đào tạo (huấn luyện) và đề nghị thành lập Hội đồng của cơ sở đào tạo lái xe quân sự (có danh sách thí sinh kèm theo).

2. Sát hạch nâng hạng

Số lượng 01 bộ hồ sơ thực hiện theo quy định tại Khoản 3, 4, Điều 9 Thông tư này và bổ sung các giấy tờ như sau:

a) Chứng chỉ nghề hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp khóa đào tạo nâng hạng;

b) Văn bản báo cáo kết quả đào tạo và đề nghị thành lập Hội đồng của cơ sở đào tạo lái xe quân sự (có danh sách thí sinh kèm theo).

3. Sát hạch, cấp lại giấy phép lái xe

Số lượng 01 bộ hồ sơ, gồm:

a) Văn bản đề nghị sát hạch, cấp lại giấy phép lái xe (có danh sách kèm theo) của cơ quan xe - máy;

b) Đơn đề nghị sát hạch, cấp lại giấy phép lái xe của cá nhân có xác nhận của thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý từ cấp trung đoàn hoặc tương đương trở lên (theo Mẫu số 04);

c) Bản tường trình của cá nhân có xác nhận của công an, chính quyền địa phương hoặc cơ quan, đơn vị từ cấp trung đoàn hoặc tương đương trở lên (trường hợp bị mất giấy phép lái xe);

d) Giấy chứng nhận đủ điều kiện sức khỏe theo quy định do cấp có thẩm quyền cấp, xác nhận (theo Mẫu số 02)

đ) Bản chính giấy phép lái xe (trường hợp quá hạn);

e) Báo cáo kết quả huấn luyện và đề nghị sát hạch, cấp lại giấy phép lái xe của cơ quan xe - máy hoặc cơ sở đào tạo (trường hợp phải huấn luyện lại).

Điều 31. Nội dung sát hạch cấp giấy phép lái xe hạng A1, A2

1. Lý thuyết: Luật Giao thông đường bộ, các văn bản pháp luật về trật tự an toàn giao thông đường bộ và các quy định nghiệp vụ của ngành Xe - Máy Quân đội đối với xe mô tô hai bánh.

2. Thực hành lái xe: Lái xe trong hình số 8, số 3, hạn chế chiều ngang, hạn chế chiều cao và tránh chướng ngại vật.

Điều 32. Nội dung sát hạch cấp giấy phép lái xe hạng A3

1. Lý thuyết: Luật Giao thông đường bộ, các văn bản pháp luật về trật tự an toàn giao thông đường bộ và các quy định nghiệp vụ của ngành Xe - Máy quân đội đối với xe mô tô ba bánh.

2. Lái xe trong bãi tổng hợp qua các tình huống như sau: Hạn chế chiều ngang; hạn chế chiều cao; đường hầm; đường vòng trên bãi chênh; cầu vệt; đường ngầm; đường chữ chi; vòng số 8; vượt hố bom; dừng xe và khởi hành ngang dốc.

Điều 33. Nội dung sát hạch cấp giấy phép lái xe hạng B2, C

1. Lý thuyết: Luật Giao thông đường bộ, các văn bản pháp luật về trật tự an toàn giao thông đường bộ, cấu tạo ô tô, sử dụng xe và nghiệp vụ vận tải, kỹ thuật lái xe đối với hạng B2, C.

2. Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô áp dụng cho sát hạch cấp giấy phép lái xe hạng C

a) Lý thuyết bảo dưỡng, sửa chữa;

b) Thực hành bảo dưỡng thường xuyên, một số nội dung bảo dưỡng định kì cấp 1, bảo dưỡng một số cụm chi tiết;

c) Thực hành sửa chữa một số hư hỏng thông thường.

3. Thực hành lái xe trong hình hạn chế kích thước, một trong các tuyến hình như sau:

a) Lái xe tiến, lùi trong hình chữ chi và quay đầu trong sân hẹp, ghép vào nhà xe;

b) Lái xe tiến, lùi trong hình số 8 và đi qua vệt bánh xe.

4. Thực hành lái xe trên đường giao thông có mật độ giao thông trung bình.

5. Thực hành lái xe trên bãi tổng hợp theo tuyến sát hạch có bố trí các tình huống như sau:

a) Thao tác cơ bản khi khởi hành xe;

b) Ghép xe hàng dọc;

c) Tăng, giảm số xuống dốc;

d) Giảm số lên dốc;

đ) Dừng xe đúng đích và khởi hành ngang dốc;

e) Giảm số tắt;

g) Qua đường vòng gấp;

h) Lùi xe vào hầm;

i) Qua đường giao nhau có tín hiệu điều khiển giao thông.

6. Đối với hạng B2 không sát hạch nội dung quy định tại Điểm g, h, Khoản 5 Điều này.

Điều 34. Nội dung sát hạch cấp giấy phép lái xe hạng D, E

1. Lý thuyết: Luật Giao thông đường bộ, các văn bản pháp luật về trật tự an toàn giao thông đường bộ, cấu tạo ô tô, sử dụng xe và nghiệp vụ vận tải, kỹ thuật lái xe đối với hạng D, E.

2. Thực hành lái xe trong hình hạn chế kích thước, một trong các tuyến hình như sau:

a) Lái xe tiến, lùi trong hình tròn; ghép xe 90 độ (ghép xe hàng ngang) và đi qua vệt bánh xe;

b) Lái xe tiến, lùi trong hình chữ chi; ghép xe hàng dọc và đi qua vệt bánh xe.

3. Thực hành lái xe trên đường có mật độ giao thông trung bình.

Điều 35. Nội dung sát hạch cấp giấy phép lái xe hạng F_{B2}, F_C, F_D, F_E

1. Lý thuyết: Luật Giao thông đường bộ, các văn bản pháp luật về trật tự an toàn giao thông đường bộ, cấu tạo ô tô, sử dụng xe và nghiệp vụ vận tải, kỹ thuật lái xe đối với hạng F_{B2}, F_C, F_D, F_E.

2. Thực hành lái xe trong hình hạn chế kích thước qua các tuyến hình như sau:

a) Lái xe ô tô kéo rơ moóc hoặc khí tài quân sự dạng rơ moóc tiến luồn cọc; tiến vào công sự, trận địa, hầm pháo 2 cửa; tháo rơ moóc (khí tài quân sự) ra khỏi xe và lùi xe vào hầm nối rơ moóc (khí tài quân sự) với xe kéo;

b) Lái xe ô tô đầu kéo, kéo sơ mi rơ moóc hoặc khí tài quân sự dạng sơ mi rơ moóc tiến, lùi thẳng trong hình hạn chế kích thước;

c) Lái xe ô tô đầu kéo, kéo sơ mi rơ moóc hoặc khí tài quân sự dạng sơ mi rơ moóc ghép vào nơi đỗ xe (ghép xe 90^0).

3. Thực hành lái xe kéo rơ moóc, sơ mi rơ moóc hoặc khí tài quân sự trên đường có mật độ giao thông trung bình.

Điều 36. Nội dung sát hạch cấp giấy phép lái xe hạng F_X

1. Lý thuyết: Luật Giao thông đường bộ, các văn bản pháp luật về trật tự an toàn giao thông đường bộ, cấu tạo xe xích, sử dụng xe và nghiệp vụ vận tải, kỹ thuật lái xe xích.

2. Thực hành lái xe xích có kéo và không có kéo trên bãi tổng hợp

a) Lái xe xích không kéo pháo, khí tài quân sự: Các thao tác cơ bản trước khi khởi hành xe; lái xe vượt hào; ụ cao; hố bom; lên xuống tàu hỏa; qua đường hẹp và lùi vào hầm pháo;

b) Lái xe xích kéo pháo, khí tài quân sự: Xuống dốc; lên dốc; dừng xe và khởi hành ngang dốc; tiến vào hầm pháo 2 cửa; dừng xe đúng vị trí trong hầm pháo, cắt pháo, tiến ra khỏi hầm, lùi vào hầm nối pháo; qua đường nghiêng; đường ngầm; đường vòng hẹp.

Điều 37. Phương pháp sát hạch

1. Sát hạch lý thuyết

a) Thực hiện bài sát hạch trắc nghiệm trên máy vi tính hoặc trên giấy theo câu hỏi của Cục Xe - Máy;

b) Miễn nội dung sát hạch lý thuyết đối với trường hợp đào tạo chuyển tiếp từ hạng C lên hạng F_C hoặc hạng F_X.

2. Sát hạch bảo dưỡng, sửa chữa

a) Bố trí 02 giám khảo, chấm điểm độc lập đối với từng thí sinh;

b) Lý thuyết bảo dưỡng, sửa chữa trả lời vấn đáp;

c) Thực hành nội dung bảo dưỡng hoặc sửa chữa những hư hỏng thông thường trên nhãn xe đã học;

d) Miễn nội dung sát hạch bảo dưỡng, sửa chữa cho các thí sinh đã tốt nghiệp hoặc đang là học viên đào tạo chuyên ngành Xe - Máy quân sự có thời gian đào tạo từ 12 tháng trở lên.

3. Sát hạch thực hành lái xe trong hình hạn chế kích thước

a) Thí sinh thực hành lái xe độc lập trong tuyến hình quy định cho từng hạng xe;

b) Xe sát hạch là xe cùng hạng với xe được đào tạo; thí sinh được bố trí vào sát hạch trên một xe bất kỳ trong số xe đã đăng ký với Hội đồng;

c) Mỗi tuyến hình bố trí 02 giám khảo, chấm điểm độc lập.

4. Sát hạch thực hành lái xe trong bãi tổng hợp

a) Thí sinh thực hành lái xe độc lập trong tuyến sát hạch được kết cấu sẵn cho từng hạng xe, có đủ tình huống quy định;

b) Xe sát hạch thực hiện theo quy định tại Điểm b, Khoản 3 Điều này;

c) Tại mỗi tình huống sát hạch bố trí 01 giám khảo chấm điểm.

5. Sát hạch thực hành lái xe trên đường giao thông

a) Xe sát hạch phải có biển Sát hạch treo ở phía trước và phía sau xe;

b) Thí sinh độc lập thực hành các nội dung sát hạch trên đoạn đường do Hội đồng xác định, phù hợp với điều kiện thực tế tại thời điểm sát hạch;

c) Trên mỗi xe bố trí 02 giám khảo, chấm điểm độc lập, trong đó 01 giám khảo chịu trách nhiệm bảo hiểm, đảm bảo an toàn trong quá trình sát hạch.

Điều 38. Phương pháp đánh giá kết quả

1. Sát hạch lý thuyết: Đánh giá kết quả đạt hoặc không đạt theo số câu trả lời đúng quy định cho từng hạng xe.

2. Sát hạch bảo dưỡng, sửa chữa

a) Đánh giá theo thang điểm 10, điểm sát hạch do từng giám khảo chấm là điểm cộng của hai phần lý thuyết và thực hành (có tính hệ số cho từng nội dung); điểm của thí sinh là trung bình cộng điểm của 02 giám khảo chấm;

b) Nội dung thực hành bảo dưỡng, sửa chữa không đạt, đánh giá kết quả chung không đạt yêu cầu.

3. Sát hạch thực hành lái xe

a) Đánh giá theo thang điểm 100, thí sinh được 80 điểm trở lên là đạt yêu cầu, dưới 80 điểm là không đạt yêu cầu;

b) Điểm sát hạch thực hành lái xe là điểm chuẩn trừ đi tổng số điểm phải trừ do các lỗi vi phạm.

4. Cục Xe - Máy hướng dẫn phương pháp chấm điểm cụ thể cho từng nội dung sát hạch.

Điều 39. Xét công nhận kết quả

1. Hội đồng xét, công nhận kết quả sát hạch và hoàn chỉnh hồ sơ, đề nghị Cục trưởng Cục Xe - Máy cấp giấy phép lái xe đối với các thí sinh sát hạch đạt yêu cầu theo quy định.

2. Thí sinh không đạt yêu cầu được sát hạch lại một lần, sau 07 ngày làm việc tính từ khi kết thúc kỳ sát hạch. Chỉ sát hạch lại các nội dung không đạt yêu cầu, kết quả nội dung sát hạch đạt yêu cầu được bảo lưu. Thí sinh được bảo lưu một lần, thời hạn không quá 12 tháng đối với kết quả sát hạch đã đạt yêu cầu.

Điều 40. Quy trình tổ chức sát hạch

1. Phiên họp thứ nhất của Hội đồng: Xét, công nhận thí sinh đủ điều kiện dự sát hạch, quyết định thành phần thư ký, giám khảo, kế hoạch sát hạch, phân công nhiệm vụ các thành viên Hội đồng.

2. Họp Ban giám khảo phổ biến kế hoạch sát hạch, phân công giám khảo.

3. Kiểm tra các mặt công tác chuẩn bị cho sát hạch.

4. Khai mạc kỳ sát hạch, công bố các quyết định của kỳ sát hạch, quán triệt yêu cầu nhiệm vụ của các thành phần tham gia kỳ sát hạch.

5. Tổ chức sát hạch các nội dung theo kế hoạch.

6. Tổng hợp kết quả sát hạch.

7. Phiên họp thứ hai của Hội đồng: Xét, công nhận kết quả sát hạch và tổ chức rút kinh nghiệm kỳ sát hạch.

8. Hoàn chỉnh hồ sơ, đề nghị cấp có thẩm quyền xét, cấp giấy phép lái xe theo quy định.

Điều 41. Nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan trong sát hạch

1. Cục Xe - Máy

a) Xây dựng hệ thống văn bản về quản lý sát hạch, cấp giấy phép lái xe quân sự trình cấp có thẩm quyền ban hành; chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện thống nhất trong toàn quân, bảo đảm đúng quy định;

b) Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ đăng ký dự sát hạch, thẩm định và xác nhận giấy phép lái xe đủ điều kiện dự sát hạch;

c) Chỉ đạo nghiệp vụ, hướng dẫn và kiểm tra phương tiện, trang thiết bị, cơ sở vật chất, các mặt đảm bảo cho sát hạch;

d) Chỉ đạo cơ sở đào tạo triển khai, thực hiện sát hạch cấp giấy phép lái xe; tiếp nhận, huấn luyện, sát hạch, cấp lại giấy phép lái xe;

đ) Hiệp đồng với các cơ quan, đơn vị cử cán bộ tham gia Hội đồng và giám khảo sát hạch lái xe;

e) Quyết định thành lập Hội đồng;

g) Quản lý, lưu trữ hồ sơ theo quy định;

h) Tổng hợp, báo cáo nội dung giám sát kỳ sát hạch. Nghiên cứu, đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả công tác giám sát kỳ sát hạch.

2. Cơ quan xe - máy

a) Chỉ đạo, hướng dẫn cơ sở đào tạo thực hiện đúng nội dung, chương trình đào tạo, huấn luyện, sát hạch cấp giấy phép lái xe;

b) Tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ đăng ký sát hạch, cấp giấy phép lái xe hạng A1, A2, hồ sơ đăng ký sát hạch, cấp lại giấy phép lái xe; báo cáo Cục Xe - Máy về việc tổ chức sát hạch; tiếp nhận và cấp giấy phép lái xe cho các đơn vị;

c) Phân công cán bộ tham gia Hội đồng, giám khảo sát hạch lái xe.

Điều 42. Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở đào tạo lái xe trong tổ chức kỳ sát hạch, cấp giấy phép lái xe

1. Chuẩn bị đầy đủ các điều kiện về cơ sở vật chất kỹ thuật, phòng học, nhà xưởng, xe ô tô, sân bãi, tuyến đường sát hạch, trang bị và phương tiện theo yêu cầu của Hội đồng và giám khảo.

2. Bảo đảm an toàn về mọi mặt cho kỳ sát hạch.

3. Lưu trữ hồ sơ của kỳ sát hạch.

4. Phân công cán bộ tham gia Hội đồng, giám khảo sát hạch cấp giấy phép lái xe.

Chương IV
CẤP, ĐỔI, TƯỚC GIẤY PHÉP LÁI XE QUÂN SỰ

Điều 43. Cấp mới giấy phép lái xe

1. Hồ sơ cấp mới giấy phép lái xe thực hiện theo quy định tại Điều 30 Thông tư này và bổ sung các giấy tờ như sau:

a) Quyết định thành lập Hội đồng;

b) Quyết định thành lập Ban thư ký, Ban giám khảo, công nhận thí sinh đủ điều kiện dự sát hạch;

c) Biên bản họp của Hội đồng;

d) Văn bản đề nghị cấp giấy phép lái xe của Hội đồng (kèm theo danh sách kết quả sát hạch đạt yêu cầu) và mỗi cá nhân nộp 02 ảnh màu cỡ 2 x 3 cm theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 14 Thông tư này.

2. Trình tự thực hiện

a) Kể từ ngày kết thúc kỳ sát hạch, trong thời hạn 05 ngày làm việc, cơ sở đào tạo lái xe lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Khoản 1 Điều này gửi đến Cục Xe - Máy;

b) Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, trong thời hạn 10 ngày làm việc, Cục Xe - Máy có trách nhiệm thẩm định, bổ sung đầy đủ hồ sơ các văn bản; phê duyệt danh sách và ký cấp giấy phép lái xe cho các thí sinh sát hạch đạt yêu cầu theo quy định.

Điều 44. Cấp đổi giấy phép lái xe

1. Điều kiện cấp đổi giấy phép lái xe

a) Người có giấy phép lái xe quân sự trước khi hết hạn sử dụng 03 tháng phải làm đơn đề nghị cấp đổi giấy phép lái xe mới;

b) Người có giấy phép lái xe quá hạn sử dụng dưới 03 tháng, giấy phép lái xe bị hỏng, cần thay đổi thông tin trên giấy phép lái xe được xét cấp đổi theo quy định;

c) Quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng, lao động hợp đồng có giấy phép lái xe dân sự hợp lệ, còn hiệu lực, khi được giao nhiệm vụ lái xe quân sự phải làm thủ tục hồ sơ để cấp đổi sang giấy phép lái xe quân sự;

d) Người có giấy phép lái xe quân sự hợp lệ, còn hạn sử dụng, khi thôi phục vụ trong Quân đội (nghỉ hưu, chuyển ngành, phục viên, nghỉ theo chế độ bệnh binh, thôi việc) nếu có nhu cầu và còn đủ sức khỏe theo quy định được đổi sang giấy phép lái xe dân sự theo quy định của Bộ Công an hoặc Bộ Giao thông vận tải.

đ) Không đổi giấy phép lái xe cho các trường hợp như sau: Giấy phép lái xe tẩy, xóa, rách nát không còn đủ các yếu tố hợp lệ; tự ý làm sai lệch thông tin trên giấy phép lái xe; giấy phép lái xe bị quá hạn sử dụng theo quy định; giấy phép lái xe không do cơ quan có thẩm quyền cấp; giấy phép lái xe của người không còn phục vụ trong Bộ Quốc phòng.

2. Hồ sơ cấp đổi giấy phép lái xe

a) Hồ sơ cấp đổi giấy phép lái xe đến hạn đổi, giấy phép lái xe quá hạn sử dụng dưới 03 tháng, gồm: Văn bản đề nghị đổi giấy phép lái xe (có danh sách kèm theo) của cơ quan xe - máy; đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe của cá nhân (theo Mẫu số 07); giấy chứng nhận đủ điều kiện sức khỏe của người điều khiển xe cơ giới (theo Mẫu số 02); bản sao giấy phép lái xe (bản chính giấy phép lái xe đối với trường hợp quá hạn); mỗi cá nhân nộp 02 ảnh màu cỡ 2 x 3 cm theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 14 Thông tư này;

b) Hồ sơ cấp đổi giấy phép lái xe do hỏng, sai thông tin, gồm: Văn bản đề nghị đổi giấy phép lái xe (có danh sách kèm theo) của cơ quan xe - máy; đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe của cá nhân (theo Mẫu số 07); bản chính giấy phép lái xe; bản sao giấy tờ chứng minh thông tin bị sai; mỗi cá nhân nộp 02 ảnh màu cỡ 2 x 3 cm theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 14 Thông tư này;

c) Hồ sơ cấp đổi giấy phép lái xe dân sự sang giấy phép lái xe quân sự, gồm: Văn bản đề nghị đổi giấy phép lái xe dân sự sang giấy phép lái xe quân sự (có danh sách kèm theo) của cơ quan xe - máy; đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe

của cá nhân (theo Mẫu số 07); bản sao hợp đồng lao động (đối với người lao động hợp đồng); bản sao chứng minh thư sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng, thẻ quân nhân hoặc bản sao một trong các loại giấy tờ như sau: Quyết định nhập ngũ, tuyển dụng, quyết định thăng, phong quân hàm, nâng lương gần nhất còn hiệu lực. Quyết định giao nhiệm vụ lái xe do thủ trưởng từ cấp trung đoàn và tương đương trở lên ký, thời hạn không quá 06 tháng kể từ ngày ký (không áp dụng đối với đối tượng là cán bộ, sĩ quan đổi giấy phép lái xe để thực hiện nhiệm vụ); giấy chứng nhận hoàn thành chương trình huấn luyện chuyển loại giấy phép lái xe quân sự do cơ sở đào tạo lái xe quân sự cấp; giấy phép lái xe dân sự hợp lệ, còn hạn sử dụng (nếu giấy phép lái xe do nước ngoài cấp thì phải có bản dịch công chứng theo quy định); hồ sơ gốc nơi đào tạo giấy phép lái xe dân sự; mỗi cá nhân nộp 02 ảnh màu cỡ 2 x 3 cm theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 14 Thông tư này;

d) Hồ sơ cấp đổi giấy phép lái xe quân sự sang giấy phép lái xe dân sự thực hiện theo quy định của Bộ Giao thông vận tải hoặc Bộ Công an.

3. Trình tự thực hiện

a) Đối với trường hợp đổi giấy phép lái xe đến hạn đổi, giấy phép lái xe quá hạn sử dụng dưới 03 tháng: Người có nhu cầu đổi giấy phép lái xe nộp hồ sơ theo quy định tại Điểm a, Khoản 2 Điều này cho cơ quan xe - máy đơn vị mình. Cơ quan xe - máy các đơn vị theo phân cấp kiểm tra hồ sơ, tổng hợp báo cáo danh sách (kèm theo hồ sơ) gửi cơ quan xe - máy đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng để tổng hợp báo cáo Cục Xe - Máy xem xét, thẩm định, cấp đổi giấy phép lái xe theo quy định. Trường hợp không đủ điều kiện cấp đổi giấy phép lái xe, Cục Xe - Máy thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do. Thời gian cấp đổi giấy phép lái xe chậm nhất sau 15 ngày làm việc, kể từ ngày Cục Xe - Máy nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định;

b) Đối với trường hợp đổi giấy phép lái xe bị hỏng hoặc sai thông tin: Người có giấy phép lái xe bị hỏng hoặc sai thông tin nộp hồ sơ theo quy định tại Điểm b, Khoản 2 Điều này cho cơ quan xe - máy đơn vị mình. Cơ quan xe - máy các đơn vị theo phân cấp kiểm tra hồ sơ, tổng hợp báo cáo danh sách (kèm theo hồ sơ) gửi cơ quan xe - máy đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng để tổng hợp báo cáo Cục Xe - Máy xem xét, thẩm định, cấp đổi giấy phép lái xe theo quy định. Trường hợp không đủ điều kiện cấp đổi giấy phép lái xe, Cục Xe - Máy thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do. Thời gian cấp đổi giấy phép lái xe chậm nhất sau 15 ngày làm việc, kể từ ngày Cục Xe - Máy nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định;

c) Đối với trường hợp đổi giấy phép lái xe dân sự sang giấy phép lái xe quân sự: Người có giấy phép lái xe dân sự xin đổi sang giấy phép lái xe quân sự phải nộp hồ sơ theo quy định tại Điểm c, Khoản 2 Điều này cho cơ quan xe - máy đơn vị mình. Cơ quan xe - máy các đơn vị theo phân cấp kiểm tra hồ sơ, tổng hợp báo cáo danh sách (kèm theo hồ sơ) gửi cơ quan xe - máy đầu mối trực thuộc Bộ

Quốc phòng để tổng hợp báo cáo Cục Xe - Máy xem xét, thẩm định, cấp đổi giấy phép lái xe theo quy định. Trường hợp không đủ điều kiện cấp đổi giấy phép lái xe, Cục Xe - Máy thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do. Thời gian cấp đổi giấy phép lái xe chậm nhất sau 15 ngày làm việc, kể từ ngày Cục Xe - Máy nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

Điều 45. Cấp lại giấy phép lái xe

1. Điều kiện cấp lại giấy phép lái xe

Trường hợp bị mất giấy phép lái xe dưới 03 tháng, nếu giấy phép lái xe còn hạn sử dụng, có đủ hồ sơ theo quy định, không bị cơ quan có thẩm quyền thu giữ thì được xét cấp lại giấy phép lái xe.

2. Hồ sơ, gồm:

a) Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép lái xe (có danh sách kèm theo) của cơ quan xe - máy;

b) Đơn đề nghị cấp lại giấy phép lái xe của cá nhân (theo Mẫu số 07);

c) Giấy chứng nhận đủ điều kiện sức khỏe theo quy định do cấp có thẩm quyền cấp, xác nhận (theo Mẫu số 02);

d) Bản sao giấy phép lái xe (nếu có);

đ) Bản tường trình của cá nhân có xác nhận (ký tên, đóng dấu) của công an, chính quyền địa phương hoặc cơ quan, đơn vị nơi cá nhân bị mất giấy phép lái xe và Cục Xe - Máy xác nhận không bị thu giữ;

e) Mỗi cá nhân nộp 02 ảnh màu cỡ 2 x 3 cm quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 14 Thông tư này.

3. Trình tự thực hiện

Người bị mất giấy phép lái xe quân sự có đủ điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều này phải nộp hồ sơ theo quy định tại Điểm b, c, d, đ, e, Khoản 2 Điều này cho cơ quan xe - máy cấp mình. Cơ quan xe - máy đơn vị theo phân cấp kiểm tra hồ sơ, tổng hợp lập danh sách và có văn bản (kèm theo hồ sơ) gửi cơ quan xe - máy đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng tổng hợp báo cáo Cục Xe - Máy xem xét, thẩm định, cấp lại giấy phép lái xe theo quy định. Trường hợp không đủ điều kiện cấp lại giấy phép lái xe, Cục Xe - Máy thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do. Thời gian cấp lại giấy phép lái xe chậm nhất sau 10 ngày làm việc, kể từ ngày Cục Xe - Máy nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

Điều 46. Tước quyền sử dụng giấy phép lái xe

1. Các trường hợp bị tước quyền sử dụng giấy phép lái xe

a) Người điều khiển xe quân sự nếu vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ thì áp dụng xử phạt theo quy định của pháp luật.

b) Người điều khiển xe quân sự nếu vi phạm quy định của Bộ Quốc phòng đối với một trong các hành vi như sau: Điều khiển xe không có giấy đăng ký xe, không có giấy phép lưu hành xe, không có tem kiểm định an toàn kỹ thuật hoặc có nhưng đã hết hạn trên 30 ngày; giấy phép lái xe không phù hợp với loại xe điều khiển; không chấp hành hiệu lệnh kiểm tra của lực lượng chức năng thì bị tước quyền sử dụng giấy phép lái xe 30 ngày và tùy theo mức độ vi phạm bị xử lý theo quy định của pháp luật;

c) Trường hợp xe gắn biển số không đúng với giấy đăng ký xe hoặc biển số, giấy đăng ký xe, tem kiểm định an toàn kỹ thuật không do cơ quan có thẩm quyền cấp thì bị tước quyền sử dụng giấy phép lái xe 60 ngày, tịch thu biển số, giấy đăng ký xe, tem kiểm định an toàn kỹ thuật sử dụng trái quy định và tùy theo mức độ vi phạm bị xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Trình tự, thẩm quyền tước quyền sử dụng giấy phép lái xe

a) Các đội kiểm tra xe quân sự khi làm nhiệm vụ có quyền: Chấn chỉnh các hành vi vi phạm quy định tại Điểm a, Khoản 1 Điều này; lập biên bản, tước quyền sử dụng giấy phép lái xe đối với các hành vi vi phạm quy định tại Điểm b, c, Khoản 1 Điều này; chậm nhất sau 01 ngày làm việc phải báo cáo bằng văn bản, kèm theo giấy tờ thu giữ cho cơ quan xe - máy cấp trực thuộc Bộ Quốc phòng xử lý theo quy định;

b) Thủ trưởng cơ quan xe - máy có thẩm quyền xử lý đối với các hành vi vi phạm quy định tại Điểm b, c, Khoản 1 Điều này; chậm nhất sau 01 ngày làm việc phải báo cáo bằng văn bản về Cục Xe - Máy và thông báo kịp thời cho cơ quan, đơn vị có người vi phạm biết để xử lý theo quy định;

c) Cục Xe - Máy có thẩm quyền xử lý đối với các hành vi vi phạm quy định tại Điều 46 Thông tư này; chậm nhất sau 02 ngày làm việc phải thông báo vi phạm đối với các trường hợp do cấp mình hoặc cấp dưới xử lý đến cơ quan, đơn vị có liên quan.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 47. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2016 và thay thế Thông tư số 32/2010/TT-BQP ngày 08 tháng 4 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định về đào tạo, sát hạch lái xe quân sự, cấp, đổi giấy phép lái xe quân sự, Thông tư số 141/2014/TT-BQP ngày 20 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng sửa đổi Điều 21 Thông tư số 32/2010/TT-BQP ngày 08 tháng 4 năm 2010.

Điều 48. Trách nhiệm thi hành

1. Chủ nhiệm Tổng cục Kỹ thuật, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành.

2. Cục trưởng Cục Xe - Máy chịu trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Thượng tướng Bế Xuân Trường

Phụ lục

MẪU BIỂU NGHIỆP VỤ CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, SÁT HẠCH, CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE QUÂN SỰ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 93/2016/TT-BQP ngày 24 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)

Mẫu 01. Đơn đề nghị học và sát hạch cấp giấy phép lái xe.

Mẫu 02. Giấy chứng nhận sức khỏe.

Mẫu 03. Bản khai thời gian lái xe và số kilômet lái xe an toàn.

Mẫu 04. Đơn đề nghị sát hạch cấp lại giấy phép lái xe.

Mẫu 05. Giấy phép xe tập lái.

Mẫu 06. Giấy phép dạy lái xe.

Mẫu 07. Đơn đề nghị đổi, cấp lại giấy phép lái xe.

Mẫu 08. Giấy phép lái xe bằng vật liệu giấy.

Mẫu 09. Giấy phép lái xe bằng vật liệu nhựa tổng hợp.

Mẫu số 01. Đơn đề nghị học và sát hạch, cấp giấy phép lái xe.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỌC VÀ SÁT HẠCH, CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE

Kính gửi: Cục trưởng Cục Xe - Máy.

Họ và tên:.....

Sinh ngày..... tháng..... năm.....

Cấp bậc:..... Chức vụ:.....

Đơn vị:.....

Nơi đăng ký HKTT:.....

Tôi đã có GPLX số:.....; Hạng.....; ngày trúng tuyển:.....

Nơi đào tạo:.....

Ngày cấp phép gần nhất:.....

Tôi làm đơn này đề nghị Cục trưởng Cục Xe - Máy xét cho tôi được đăng ký học và dự sát hạch, cấp giấy phép lái xe quân sự hạng.....

Tôi xin chấp hành nghiêm các quy định trong học tập, sát hạch, cấp giấy phép lái xe.

..... Ngày..... tháng..... năm.....

XÁC NHẬN CỦA THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Thủ trưởng từ cấp trung đoàn và tương đương trở lên trực tiếp quản lý ký, đóng dấu)

NGƯỜI LÀM ĐƠN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 02. Giấy chứng nhận sức khỏe.

Ảnh
(2 x 3 cm)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN SỨC KHỎE
(đối với người điều khiển xe cơ giới)

Họ và tên:.....

Sinh ngày..... tháng..... năm.....

Nơi đăng ký HKTT:.....

.....

Đơn vị:.....

I. TIỂU SỬ BẢN THÂN

.....

.....

II. KẾT QUẢ KHÁM

1. Thể lực: Chiều cao:..... m; Cân nặng:..... Kg

Vòng ngực trung bình:..... Cm

2. Mắt:

Thị lực: Mắt phải không kính:..... Có kính.....

Mắt trái không kính..... Có kính.....

Kính loại:..... Số:.....

Bệnh ở mắt:.....

.....

3. Tay, chân:

Tay: { Phải / Trái }

Chân: { Phải / Trái }

4. Tai, mũi họng:

Phải nghe nói thường cách..... m, nghe nói thầm cách..... m;

Trái nghe nói thường cách..... m, nghe nói thầm cách..... m;

Bệnh tai:.....

5. Thần kinh:

Động kinh:.....; Tê liệt:.....

Phản xạ { Tay / Chân

Các bệnh khác về thần kinh:.....

6. Tuần hoàn:

Áp lực động mạch tối đa:..... tối thiểu:.....

Bệnh nghẽn tim (angor pertoris):

Bệnh thiểu năng tim:

Bệnh van tim:

Phồng động mạch (anévrismus aortis)

7. Những bệnh khác:

Hô hấp:

Tiêu hóa:

Sinh dục - tiết niệu:

Các bộ phận khác:.....

III. KẾT LUẬN

Kết luận rõ có đủ điều kiện sức khỏe để lái xe không? lái được hạng xe nào?

.....

.....

Làm tại:.....

..... Ngày..... tháng..... năm....

XÁC NHẬN CỦA THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Thủ trưởng từ cấp trung đoàn và tương đương trở lên trực tiếp quản lý ký, đóng dấu)

BỆNH XÁ TRƯỞNG HOẶC CHỦ NHIỆM QUÂN Y
(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 03. Bản khai thời gian lái xe và số km lái xe an toàn.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI
THỜI GIAN LÁI XE VÀ SỐ KM LÁI XE AN TOÀN

Kính gửi: Cục trưởng Cục Xe - Máy.

Họ và tên:.....

Sinh ngày..... tháng..... năm.....

Cấp bậc:..... Chức vụ:.....

Đơn vị:.....

Nơi đăng ký HKTT .....

Tôi đã có GPLX số:..... Hạng..... ngày trúng tuyển:.....

Nơi đào tạo:.....

Ngày cấp GPLX gần nhất:.....

Từ ngày được cấp giấy phép lái xe đến nay, tôi đã có..... năm lái xe và có..... km lái xe an toàn.

Đề nghị Cục trưởng Cục Xe - Máy cho tôi được học và sát hạch nâng hạng giấy phép lái xe hạng.....

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây là đúng sự thật. Nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

.....ngày..... tháng..... năm 20.....

XÁC NHẬN CỦA THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Thủ trưởng từ cấp trung đoàn và tương đương trở lên trực tiếp quản lý ký, đóng dấu)

NGƯỜI KHAI
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Mẫu số 04. Đơn đề nghị sát hạch, cấp lại giấy phép lái xe.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
SÁT HẠCH, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LÁI XE

Kính gửi: Thủ trưởng Cục Xe - Máy.

Họ và tên:.....

Sinh ngày..... tháng..... năm.....

Cấp bậc:.....; Chức vụ:.....

Đơn vị:.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú.....

.....

Tôi đã có GPLX số:.....; Hạng..... ngày trúng tuyển:.....

Nơi đào tạo:.....

Ngày cấp GPLX gần nhất:.....

Lý do xin sát hạch cấp lại GPLX:.....

.....

Tôi làm đơn này đề nghị Cục trưởng Cục Xe - Máy xét cho tôi được đăng ký học và dự sát hạch cấp lại giấy phép lái xe quân sự hạng.....

Tôi xin chấp hành nghiêm các quy định trong sát hạch, cấp giấy phép lái xe.

.....ngày..... tháng..... năm 20.....

XÁC NHẬN CỦA THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Thủ trưởng cấp trung đoàn và tương đương trở lên trực tiếp quản lý ký, đóng dấu)

NGƯỜI LÀM ĐƠN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 05. Giấy phép xe tập lái.

1. Mặt trước:

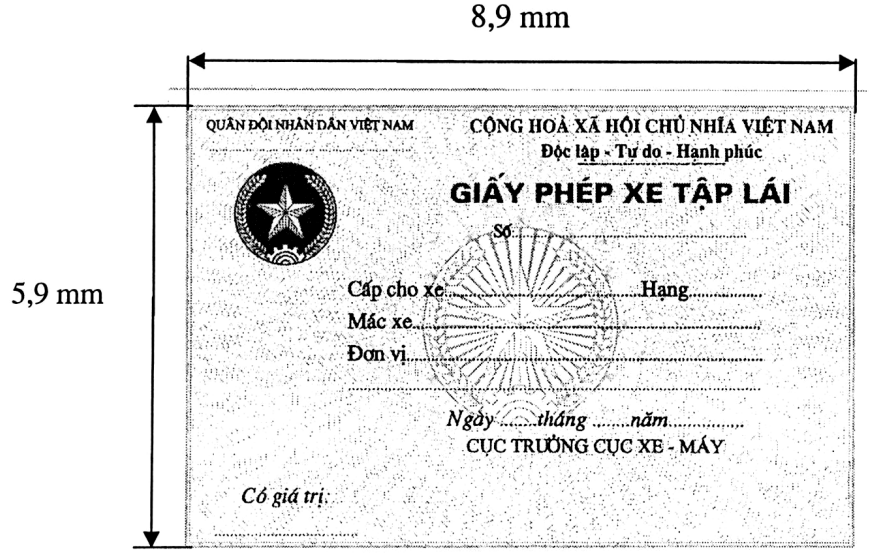

2. Mặt sau:

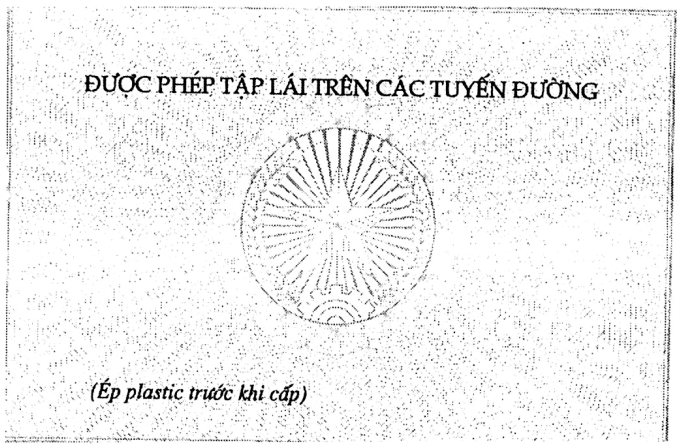

3. Quy cách:

- Kích thước: 8,9 x 5,9 x 0,5 mm;
- Phôi Giấy phép xe tập lái làm bằng vật liệu giấy;
- In trước hai mặt theo mẫu quy định;
- Giấy phép xe tập lái được ép plastic bằng mẫu giấy ép chuyên dùng của Cục Xe - Máy trước khi cấp cho người sử dụng.

Mẫu số 06. Giấy phép dạy lái xe.

1. Mặt trước:

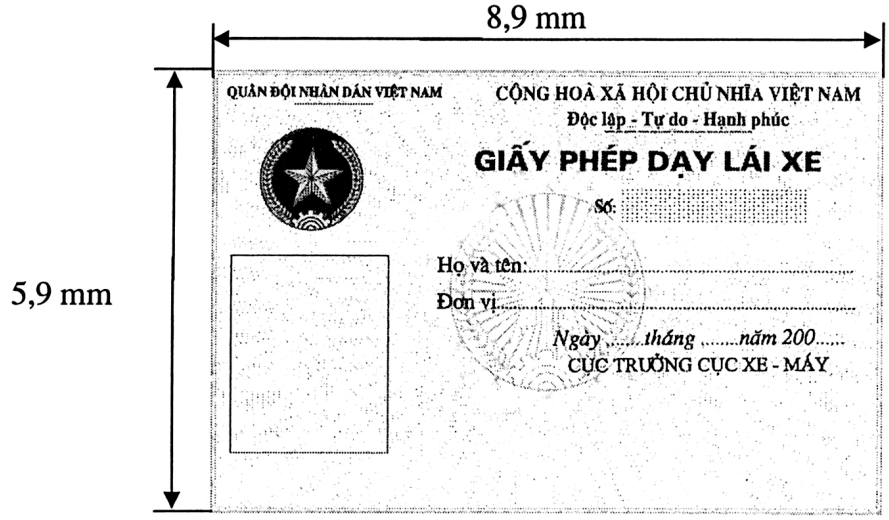

2. Mặt sau:

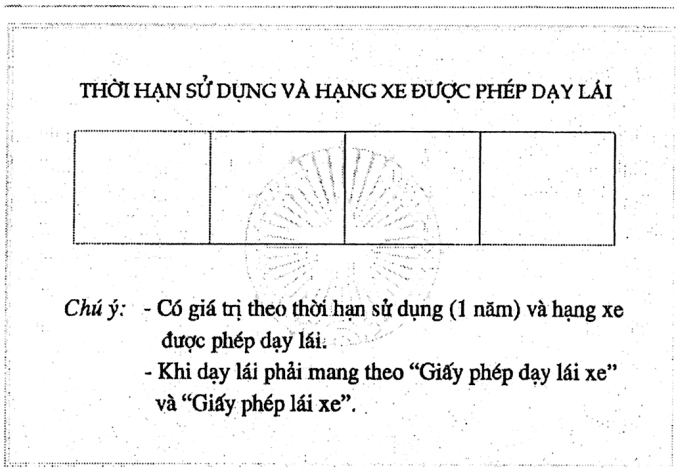

3. Quy cách:

- Kích thước: 8,9 x 5,9 x 0,5 mm;
- Phôi Giấy phép dạy lái xe làm bằng vật liệu giấy;
- In trước hai mặt theo mẫu quy định;
- Ảnh của người lái xe được dán trên Giấy phép dạy lái xe có đóng dấu nổi của Cục Xe - Máy;
- Giấy phép dạy lái xe được ép plastic bằng mẫu giấy ép chuyên dùng của Cục Xe - Máy trước khi cấp cho người sử dụng.

Mẫu số 07. Đơn đề nghị đổi, cấp lại giấy phép lái xe.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
ĐỔI, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LÁI XE

Kính gửi: Cục trưởng Cục Xe - Máy.

Họ và tên:.....

Sinh ngày..... tháng..... năm.....

Cấp bậc:..... Chức vụ:.....

Đơn vị:.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú.....

.....

Số GPLX..... Hạng..... Ngày trúng tuyển:.....

Đào tạo Tại trường:.....

Ngày cấp phép gần nhất:.....

Lý do đổi, cấp lại GPLX:.....

.....

.....

.....

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây là đúng sự thật. Nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

..... Ngày..... tháng..... năm.....

XÁC NHẬN CỦA THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Thủ trưởng từ cấp trung đoàn và tương đương trực tiếp quản lý ký, đóng dấu)

NGƯỜI LÀM ĐƠN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 08. Giấy phép lái xe bằng vật liệu giấy.

1. Mặt trước:

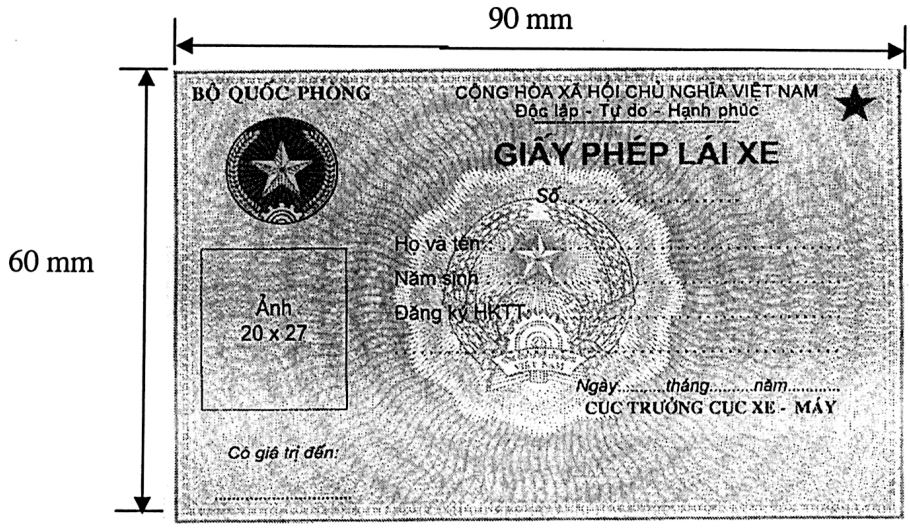

2. Mặt sau:

HẠNG	LOẠI XE ĐƯỢC PHÉP ĐIỀU KHIỂN	NGÀY TRÚNG TUYỂN
A1	Xe mô tô 2 bánh có dung tích xilanh từ 50 đến dưới 175 cm^3.	
A2	Xe mô tô 2 bánh có dung tích xilanh từ 175 cm^3 trở lên.	
A3	Xe mô tô ba bánh.	
B2	Ô tô chở người đến 9 chỗ ngồi, ô tô tải (kể cả ô tô chuyên dùng), máy kéo có trọng tải dưới 3.500kg.	
C	Ô tô tải, máy kéo có trọng tải từ 3.500kg trở lên, các loại xe hạng B2.	
D	Ô tô chở người từ 10 đến 30 chỗ ngồi, xe hạng B2,C.	
E	Ô tô chở người từ trên 30 chỗ ngồi, xe hạng B2,C,D.	
Fc	Ô tô tải hạng C có kéo rơ moóc, đầu kéo kéo sơ mi rơ moóc, hoặc vũ khí, khí tài quân sự tương ứng.	
Fx	Xe xích, xe hạng B2,C.	

3. Quy cách:

- Kích thước: 90 mm x 60 mm;
- In trước hai mặt theo mẫu quy định trên giấy Offset 150 g/m^2, độ trắng 90;
- Ảnh của người lái xe được dán trên giấy phép lái xe, có đóng dấu nổi;
- Bảo mật nhiều cấp từ trực quan đến phải sử dụng thiết bị chuyên dùng; bảo mật trên phôi, ép Plastic bảo vệ và bảo mật khi cá thể hóa.

Mẫu số 09. Giấy phép lái xe bằng vật liệu nhựa tổng hợp.

1. Mặt trước:

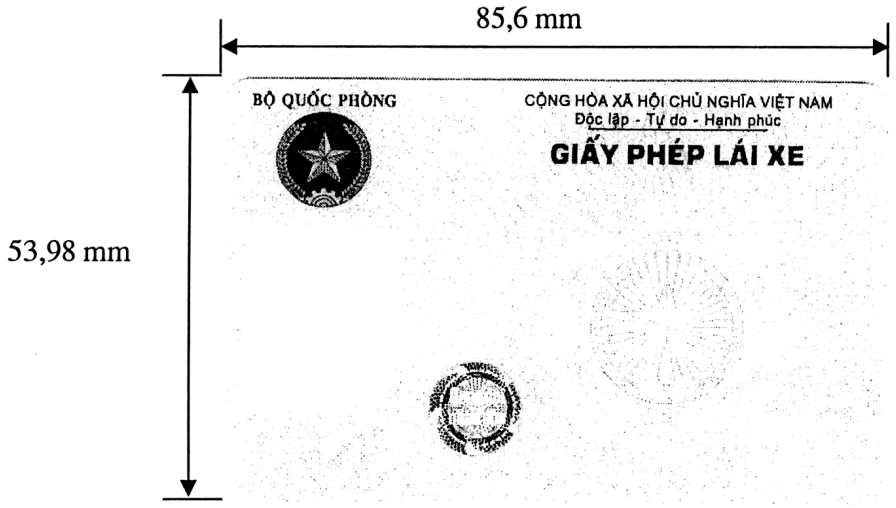

2. Mặt sau:

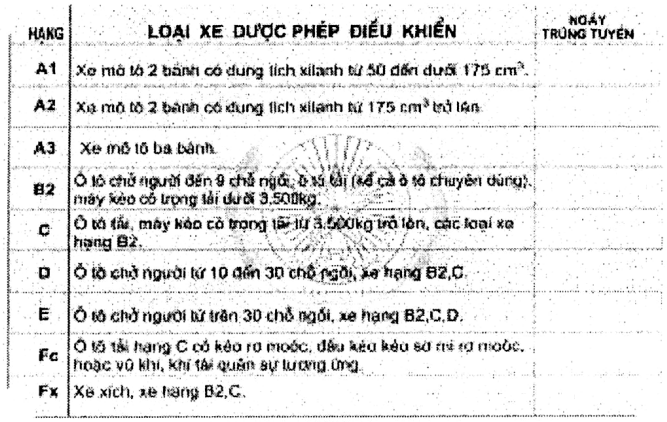

HẠNG	LOẠI XE DƯỢC PHÉP ĐIỀU KHIỂN	NGÀY TRÚNG TUYỂN
A1	Xe mô tô 2 bánh có dung tích xilanh từ 50 đến dưới 175 cm³.	
A2	Xe mô tô 2 bánh có dung tích xilanh từ 175 cm³ trở lên.	
A3	Xe mô tô ba bánh.	
B2	Ô tô chở người đến 9 chỗ ngồi, ô tô tải (kể cả ô tô chuyên dùng), máy kéo có trọng tải dưới 3,500kg.	
C	Ô tô tải, máy kéo có trọng tải từ 3,500kg trở lên, các loại xe hạng B2.	
D	Ô tô chở người từ 10 đến 30 chỗ ngồi, xe hạng B2,C.	
E	Ô tô chở người từ trên 30 chỗ ngồi, xe hạng B2,C,D.	
Fc	Ô tô tải hạng C có kéo rơ moóc, đầu kéo kéo sơ mi rơ moóc, hoặc vô lăng, khi tải quân sự tương ứng.	
Fx	Xe xích, xe hạng B2,C.	

3. Quy cách:

- Kích thước: 85,6 x 53,98 x 0,76 mm;

- Phôi giấy phép lái xe làm bằng vật liệu nhựa tổng hợp Polyethylene terephthalate (PET);

- In trước hai mặt theo mẫu quy định;

- Ảnh của người lái xe được in trực tiếp trên giấy phép lái xe;

- Bảo mật nhiều cấp từ trực quan đến phải sử dụng thiết bị chuyên dùng; bảo mật trên phôi, lớp phủ bảo vệ và bảo mật khi cá thể hóa.

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng